

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CHỈ SỐ HIỆU SUẤT THỐNG KÊ (SPI) VÀ CHỈ SỐ DỮ LIỆU MỞ (ODIN) Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Trí Duy, CN. Đặng Quỳnh Trang, CN. Phạm Thị Hạnh***

Ngày 01/12/202, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2014/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó Thủ tướng chỉ đạo 12 mục tiêu mà Ngành Thống kê cần phấn đấu đạt được, trong đó có mục tiêu "Chỉ số hiệu quả thống kê và chỉ số dữ liệu mở thuộc nhóm các nước xếp loại khá vào năm 2030".

Nhằm thực hiện thành công mục tiêu này, trước tiên ngành Thống kê cần nghiên cứu các thành phần trong chỉ số hiệu quả và chỉ số dữ liệu mở; đánh giá mức độ xếp hạng của Thống kê Việt Nam trên bảng xếp hạng thế giới và tăng cường học tập kinh nghiệm của những nước được xếp hạng cao để xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao năng lực thống kê trên bảng xếp hạng của thế giới.

1. Chỉ số hiệu suất thống kê SPI (Statistical Performance Index)

1.1. Giới thiệu

Từ năm 1999, Ngân hàng Thế giới (WB) đã biên soạn Chỉ số năng lực thống kê (SCI) của gần 150 quốc gia có thu nhập thấp, trung bình và dân số trên 1 triệu người, trong đó có

Việt Nam. Sử dụng Chỉ số năng lực thống kê do WB biên soạn để xem xét, đánh giá và so sánh năng lực thống kê của các hệ thống thống kê quốc gia trên thế giới là rất có ý nghĩa về mặt phương pháp luận, khách quan, trung thực.

WB đã xây dựng Chỉ số SCI với thang điểm 100 (100 điểm là mức tối đa). Chỉ số SCI được xác định là số bình quân cộng của 03 chỉ số thành phần: (1) Chỉ số phương pháp luận thống kê; (2) Chỉ số nguồn số liệu; và (3) Chỉ số định kỳ và kịp thời. Mỗi chỉ số thành phần cũng theo thang điểm 100 và được biên soạn từ một số chỉ tiêu cụ thể, mỗi chỉ tiêu cụ thể có điểm từ 0 đến 1 điểm (tối đa là 1 điểm) và quyền số cho từng chỉ tiêu (quyền số 10 hoặc 20), tùy vào mức độ quan trọng của mỗi chỉ tiêu. Cụ thể: Chỉ số phương pháp luận thống kê được biên soạn từ 10 chỉ tiêu, Chỉ số nguồn số liệu được biên soạn từ 5 chỉ tiêu, Chỉ số định kỳ và kịp thời được biên soạn từ 10 chỉ tiêu.

Trong bối cảnh các hệ thống thống kê quốc gia đang phải đối mặt với những thách thức đáng kể cùng với những thay đổi nhanh chóng của cuộc cách mạng dữ liệu, để tạo ra một cơ chế nhằm giúp các hệ thống thống kê

* Phó Viện trưởng, Viện Khoa học Thống kê

** Nghiên cứu viên, Viện Khoa học Thống kê

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

quốc gia học hỏi lẫn nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhu cầu chuyển đổi có tính cấp thiết, WB đã xây dựng Chỉ số Hiệu suất Thống kê (SPI) để theo dõi hiệu suất thống kê của các quốc gia, theo đó thay thế cho Chỉ số SCI.

SPI đánh giá hiệu suất của các hệ thống thống kê quốc gia dựa trên 5 trụ cột (pillar): Sử dụng dữ liệu, Các dịch vụ dữ liệu, Sản phẩm dữ liệu, Nguồn dữ liệu, và Cơ sở hạ tầng dữ liệu. Mỗi trụ cột bao gồm các chiều (dimension) khác nhau và mỗi chiều gồm các

chỉ tiêu khác nhau. Cụ thể, SPI gồm 05 trụ cột, 22 chiều và 51 chỉ tiêu. (Bảng 1). Việc lựa chọn các chỉ tiêu cho mỗi chiều được trình bày chi tiết trong tài liệu “Đo lường hiệu suất thống kê của các quốc gia: Tổng quan về những cập nhật cho Chỉ số Năng lực thống kê của WB” trong đường dẫn dưới đây:

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/815721616086786412/pdf/Measuring-the-Statistical-Performance-of-Countries-An-Overview-of-Updates-to-the-World-Bank-Statistical-Capacity-Index.pdf>

Bảng 1. Các trụ cột và các chiều của Chỉ số SPI

Trụ cột	Các chiều				
Sử dụng dữ liệu	Cơ quan lập pháp	Cơ quan hành pháp	Xã hội dân sự	Giới học thuật (Trường đại học, học viện, viện nghiên cứu...)	Các cơ quan quốc tế
Các dịch vụ dữ liệu	Chất lượng của dữ liệu được công bố	Sự phong phú và cởi mở của việc tiếp cận dữ liệu online	Hiệu quả của các dịch vụ tư vấn và phân tích liên quan đến thống kê	Tính sẵn có và việc sử dụng các dịch vụ dữ liệu	
Sản phẩm dữ liệu	Xã hội (SDG 1-6)	Kinh tế (SDG 7-12)	Môi trường (SDG 13-15)	Thể chế (SDG 16-17)	
Nguồn dữ liệu	Cơ quan thống kê (tổng điều tra, điều tra)	Dữ liệu hành chính	Dữ liệu không gian địa lý	Dữ liệu khu vực tư nhân và dữ liệu do công dân tạo ra	
Cơ sở hạ tầng dữ liệu	Pháp lý và quản trị	Tiêu chuẩn và phương pháp	Các kỹ năng	Quan hệ đối tác	Nguồn lực tài chính (của nội bộ và từ các nhà tài trợ)

Nội dung giải thích các chiều của Chỉ số SPI và thực trạng tính toán các chiều này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

1.2. Cách tính chỉ số SPI:

- Điểm mỗi chiều: được tính bằng trung bình cộng giản đơn của các chỉ số thành phần.

- Điểm của mỗi trụ cột:

+ Đối với các trụ cột 1, 2, 4, 5: được tính bằng trung bình cộng giản đơn của các chiều thành phần.

+ Đối với trụ cột 3: được tính bằng trung bình có trọng số của các chiều thành phần,

trong đó trọng số được xác định dựa trên số lượng SDG trong mỗi chiều (6 SDG ở chiều 3.1, 6 SDG ở chiều 3.2, 2 SDG ở chiều 3.3, và 2 SDG ở chiều 3.4).

* Lưu ý: Mỗi chiều ở trụ cột 4 được gán trọng số bằng nhau và bằng ¼.

- Điểm chỉ số SPI: được tính bằng trung bình cộng giản đơn của các trụ cột.

1.3. Điểm SPI của Việt Nam qua các năm

Bảng 2 dưới đây trình bày điểm số SPI và thứ hạng của Việt Nam qua các năm từ 2016 đến 2019.

Bảng 2. Bảng điểm chỉ số SPI của Việt Nam qua các năm

Năm	2016	2017	2018	2019
Điểm trụ cột 1	100	100	100	100
Điểm trụ cột 2	45.6	63.7	64	64
Điểm trụ cột 3	56.6	57.2	58.4	55.1
Điểm trụ cột 4	74.7	66.3	75.7	75.7
Điểm trụ cột 5	25	35	35	35
Điểm SPI	60.4	64.5	66.63	66
Xếp hạng	74/218	74/218	74/218	76/218

Kết quả tổng hợp trong Bảng 2 cho thấy điểm trụ cột 1 và trụ cột 4 là ở mức rất tốt và mức khá, trong đó điểm trụ cột 1 là điểm tuyệt đối. Tiếp đến là trụ cột 2, 3 ở mức trung bình, đặc biệt điểm trụ cột 5 là rất yếu. Nhằm nâng cao thứ hạng, Thống kê Việt Nam cần nâng cao năng lực ở trụ cột 5, trụ cột 2 và 3.

1.4. Xếp hạng 5 nước có điểm cao nhất ở 5 trụ cột

Một trong những ý nghĩa quan trọng của Chỉ số SPI là giúp các quốc gia xác định được

các đối tác phù hợp nhằm học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, qua đó cải thiện các khía cạnh về năng lực thống kê. Theo đó, việc xác định các quốc gia có thể mạnh, năng lực nổi trội ở các trụ cột, các chiều khác nhau trong Chỉ số SPI là rất quan trọng (xem Bảng 3). Bên cạnh đó cũng cần quan tâm đến điểm số và xếp hạng theo Chỉ số SPI của các quốc gia trong khối ASEAN nhằm xác định được năng lực của Thống kê nước ta trong khu vực (xem Bảng 4).

Bảng 3. Xếp hạng 5 nước có điểm trụ cột cao nhất năm 2018, 2019

STT	Điểm trụ cột 1	Điểm trụ cột 2	Điểm trụ cột 3	Điểm trụ cột 4	Điểm trụ cột 5
Năm 2018					
1	Na Uy (100)	Singapore (100)	Spain (90.6)	United States (87.5)	Na Uy (100)
2	Italy (100)	Đan Mạch (98.7)	Ireland (88.7)	Thụy Điển (85.0)	Italy (100)
3	Austria (100)	Hà Lan (98.5)	Sri Lanka (84.0)	Canada (84.1)	Austria (100)
4	Slovenia (100)	Slovenia (96.9)	Bulgaria (82.0)	Italy (81.8)	Slovenia (100)
5	United States (100)	Đức (96.5)	Cyprus (81.0)	Na Uy (80.7)	United States (100)
Việt Nam	100	64	58.4	75.7	35
Năm 2019					
1	Na Uy (100)	Singapore (100)	Mexico (89.3)	United States (87.5)	Na Uy (100)
2	Italy (100)	Đan Mạch (98.7)	Thổ Nhĩ Kỳ (86.0)	Canada (84.1)	Italy (100)
3	Austria (100)	Hà Lan (98.5)	Colombia (83.1)	Hàn Quốc (82.4)	Austria (100)
4	Ba Lan (100)	Slovenia (96.9)	Armenia (81.2)	Italy (81.8)	Ba Lan (100)
5	Slovenia (100)	Đức (96.5)	Chile (80.7)	Thụy Điển (80.9)	Slovenia (100)
Việt Nam	100	64	55.1	75.7	35

Kết quả tổng hợp trong Bảng 3 cho thấy nhóm 5 nước có số điểm cao nhất ở 5 trụ cột, mục đích xây dựng bảng này là giúp ta xác định các thế mạnh của thống kê các nước có điểm số cao ở các trụ cột để ta nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm nâng cao năng lực, hiệu suất ở trụ cột mà ta còn có điểm thấp.

Kết quả trong Bảng 4 cho thấy ở trụ cột 1 có 7 nước đạt điểm tuyệt đối trong đó có Thống kê Việt Nam. Điểm Tại trụ cột 4, Việt Nam có số điểm 75,7 đứng thứ 2/10 trong khối ASEAN. Tuy nhiên, điểm ở trụ cột 2, 3, 5 điểm số của Việt Nam rất thấp tương ứng với

các vị trí thứ 8/10, 7/10 và điểm ở trụ cột 5 đứng ở vị trí thứ cuối cùng với Myanmar và Philippines.

Đánh giá chung lại chỉ số hiệu suất thống kê Việt Nam đang ở mức khá xếp ở vị trí 76/218 nước, tuy nhiên cần cải thiện vị trí ngay trong khối ASEAN hiện đang ở vị trí 6/10 nước. Đánh giá chung lại chỉ số hiệu suất thống kê Việt Nam đang ở mức khá xếp ở vị trí 76/218 nước, tuy nhiên Việt Nam cần cải thiện vị trí trong khối ASEAN vì hiện đang ở vị trí 6/10 nước.

Bảng 4. Xếp hạng SPI trong khối ASEAN năm 2019

TT	Quốc gia	Điểm trụ cột 1	Điểm trụ cột 2	Điểm trụ cột 3	Điểm trụ cột 4	Điểm trụ cột 5	Điểm SPI	Xếp hạng thế giới	Xếp hạng trong Asean
1	Brunei	100	NA	40.7	NA	45	NA	175/218	10
2	Cambodia	70	59.2	60.4	46.4	45.0	56.2	111/218	8
3	Indonesia	100	87.3	74.9	43.8	55.0	72.2	63/218	4
4	Lao	90	56.6	53.4	40.5	30.0	54.1	122/218	9
5	Malaysia	80	84.0	73.0	68.2	50.0	71.1	65/218	5
6	Myanmar	100	67.1	73.8	42.9	35.0	63.8	81/218	7
7	Philippines	100	88.3	75.2	80.2	35.0	75.7	53/218	2
8	Singapore	100	100.0	42.2	53.3	80.0	75.1	55/218	3
9	Thailand	100	76.5	76.2	57.9	70.0	76.1	50/218	1
10	Vietnam	100	64.0	55.1	75.7	35.0	66.0	76/218	6

Việc giám sát, đánh giá và nâng cao năng lực của các hệ thống thống kê quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong chương trình thống kê toàn cầu. Đại dịch Covid-19 cũng đã tạo thêm động lực để hiểu và cải thiện hiệu suất của các hệ thống thống kê quốc gia. Trong đó, các chỉ tiêu SPI là công cụ quan trọng để các quốc gia xác định những điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống thống kê quốc gia; cung cấp các hướng dẫn để ra quyết định về ưu tiên đầu tư cho các trụ cột và có thể hỗ trợ cho các quốc gia trong việc xác định các quốc gia đối tác mà mình cần học hỏi. Đo lường các chỉ tiêu SPI có thể giúp các hệ thống thống kê quốc gia đảm bảo những hỗ trợ phát triển được thực hiện trong các lĩnh vực mang lại nhiều lợi ích nhất.

2. Chỉ số dữ liệu mở - Open Data Inventory (ODIN)

2.1. Giới thiệu

Chỉ số dữ liệu mở (ODIN) là chỉ số đo lường mức độ công khai và mức độ bao phủ của số liệu thống kê chính thức ở khoảng 180 quốc gia trên thế giới. ODIN 2015 đã đánh giá 125 quốc gia; ODIN 2016 đánh giá 173; ODIN 2017 đã đánh giá 180 quốc gia; ODIN 2018/19 đánh giá 178 quốc gia; và ODIN 2020/21 đánh giá 187 quốc gia.

ODIN 2020/21 đánh giá mức độ bao phủ và tính công khai của các số liệu thống kê do hệ thống thống kê quốc gia công bố trên trang web chính thức của cơ quan thống kê quốc gia (NSO). Mức độ bao phủ đề cập đến sự sẵn có của các chỉ số thống kê quan trọng trong 22 danh mục thống kê xã hội, kinh tế và môi trường. Trong khi đó, độ mở đề cập đến mức độ mà người sử dụng có thể tự do truy cập, sử dụng, chỉnh sửa và chia sẻ số liệu thống kê cho những mục đích khác nhau.

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Mục đích của ODIN là cung cấp một thước đo khách quan và có thể tái tạo về tính sẵn có, công khai của số liệu thống kê quốc gia và sự tuân thủ các tiêu chuẩn dữ liệu công khai. ODIN đánh giá độ mở trên hàm phổ, đo mức độ mở hơn là phân loại tập dữ liệu là mở hay đóng. Điểm ODIN tổng thể là một chỉ báo về mức độ hoàn chỉnh và cởi mở của các dịch vụ dữ liệu của NSO. Điểm tổng hợp cho các thống kê xã hội, kinh tế và môi trường và điểm tóm tắt cho mức độ bao phủ và tính cởi mở cung cấp bức tranh về điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống thống kê quốc gia.

ODIN giúp xác định các lỗ hổng nghiêm trọng, thúc đẩy các chính sách dữ liệu mở, cải thiện khả năng truy cập dữ liệu và khuyến khích đối thoại giữa các NSO và người sử dụng dữ liệu. Các NSO và các đối tác phát triển của họ có thể sử dụng ODIN như một phần của quá trình lập kế hoạch chiến lược

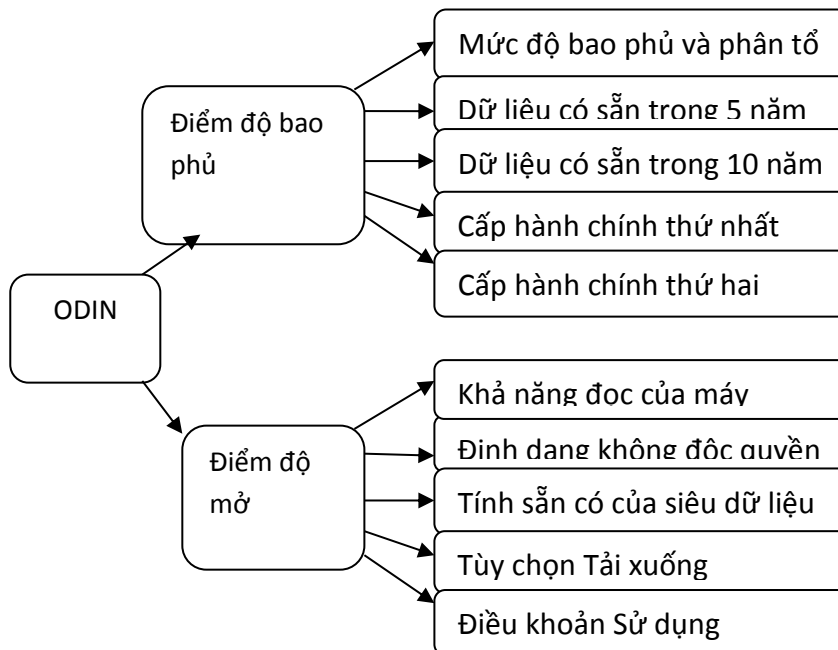
và làm thước đo cho sự phát triển của hệ thống thống kê.

ODIN cung cấp thông tin có giá trị cho người sử dụng dữ liệu trong chính phủ, khu vực tư nhân và người dân về tính sẵn có của các chuỗi thống kê quan trọng. Ngoài xếp hạng về mức độ phù hợp và tính công khai trong hơn 20 danh mục chủ đề, ODIN ghi lại vị trí của các chỉ số chính trong mỗi danh mục, cho phép truy cập nhanh vào hơn 50 chỉ số.

2.2. Cách tính ODIN

Trong ODIN 2020/21, có 22 danh mục dữ liệu thuộc ba lĩnh vực thống kê: Thống kê xã hội; Thống kê kinh tế và tài chính; Thống kê môi trường. (Xem Phụ lục 2). Mỗi danh mục dữ liệu này được đánh giá theo 2 yếu tố là độ mở và độ bao phủ. Mỗi yếu tố đánh giá này bao gồm các tiêu chí đánh giá như Hình 1 dưới đây:

Hình 1. Các yếu tố và tiêu chí đánh giá chỉ số ODIN



Nội dung của 05 tiêu chí đánh giá độ bao phủ như sau:

(1) Mức độ bao phủ và phân tổ: Số lượng các chỉ số và phân tổ được công bố

(2) Dữ liệu có sẵn trong 5 năm qua: Số năm có sẵn cho tập dữ liệu từ 2015 đến 2019

(3) Dữ liệu có sẵn trong 10 năm qua: Số năm có sẵn cho một tập dữ liệu từ năm 2010 đến năm 2019

(4) Cấp hành chính thứ nhất: Số chỉ số có sẵn dữ liệu ở cấp quản trị đầu tiên.

(5) Cấp hành chính thứ hai: Số lượng chỉ số có sẵn dữ liệu ở cấp quản trị thứ hai.

Nội dung của 05 tiêu chí đánh giá độ mở như sau:

(1) Khả năng đọc của máy: Số lượng chỉ báo được xuất bản ở định dạng máy có thể đọc được

(2) Định dạng không đọc quyền: Số lượng chỉ số được xuất bản ở định dạng không đọc quyền

(3) Tùy chọn tải xuống: Số lượng chỉ báo có tùy chọn tải xuống hàng loạt và API hoặc tùy chọn do người dùng chọn

(4) Tính khả dụng của siêu dữ liệu: Số lượng chỉ báo có siêu dữ liệu hoàn chỉnh

(5) Điều khoản sử dụng (TOU): Số chỉ báo có điều khoản sử dụng hoặc giấy phép dữ liệu được coi là mở

Điểm của mỗi danh mục dữ liệu được xác định bằng trung bình cộng của điểm độ mở và điểm độ bao phủ của danh mục dữ liệu đó. Cần lưu ý rằng một số danh mục dữ liệu không có điểm cho tiêu chí 4 và 5 của yếu tố độ bao phủ (Cấp hành chính thứ nhất và Cấp hành chính thứ hai). Trong đó, điểm

độ bao phủ được tính bằng trung bình cộng của 05 tiêu chí độ bao phủ. (Lưu ý: điểm của các tiêu chí độ bao phủ từ tiêu chí 2 đến tiêu chí 5 không được cao hơn điểm tiêu chí 1). Tương tự, điểm độ mở cũng được tính bằng trung bình cộng của 05 tiêu chí độ mở. Mỗi tiêu chí nhận được điểm 0, 0.5 hoặc 1. Việc xác định điểm độ bao phủ và độ mở của từng tiêu chí là dựa trên mức độ đáp ứng yêu cầu của tiêu chí đó (đáp ứng đầy đủ, đáp ứng một phần và không đáp ứng).

Tiếp đó, điểm của từng lĩnh vực thống kê được tính bằng trung bình cộng của điểm độ bao phủ và điểm độ mở của lĩnh vực đó. Trong đó, điểm độ bao phủ của từng lĩnh vực thống kê được tính bằng trung bình cộng điểm độ bao phủ của các danh mục dữ liệu thuộc lĩnh vực thống kê đó. Tương tự, điểm độ mở của từng lĩnh vực thống kê cũng được tính bằng trung bình cộng điểm độ mở của các danh mục dữ liệu thuộc lĩnh vực thống kê đó.

Cuối cùng, điểm ODIN tổng thể được tính bằng trung bình cộng của điểm 03 lĩnh vực thống kê. Điểm ODIN tổng thể là điểm số được sử dụng để xếp hạng toàn cầu và khu vực.

Điểm ODIN tổng thể nhận giá trị từ 0-100 điểm, cụ thể như sau:

- Điểm 100: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng tất cả các tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN.
- Điểm 81-99: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng hầu hết các tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN.
- Điểm 61-80: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng nhiều tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN, nhưng vẫn còn một số lỗ hổng quan trọng.

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

- Điểm 41-60: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng một số tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN, nhưng vẫn còn nhiều lỗ hổng quan trọng.

- Điểm 21-40: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng một số tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN, nhưng vẫn còn nhiều lỗ hổng quan trọng.

- Điểm 1-20: Dữ liệu trong danh mục này đáp ứng một số tiêu chí về độ bao phủ / độ mở của ODIN và có những khoảng cách đáng kể.

- Điểm 0: Không có đủ dữ liệu được xuất bản để đáp ứng ngưỡng tối thiểu để nhận được điểm.

2.3. Điểm số ODIN của Việt Nam

Kết quả Bảng 5 cho thấy Việt Nam đứng thứ 91/187 nước trên toàn cầu và thứ 7/10 nước ASEAN trong bảng xếp hạng Dữ liệu năm 2020 với tổng điểm là 49. Trong đó, điểm độ bao phủ là 44 xếp hạng 122 toàn cầu và xếp thứ 9 trong khối ASEAN; điểm độ mở là 54 xếp hạng 86 toàn cầu và xếp thứ 5 khối ASEAN.

Bảng 5. Xếp hạng điểm số ODIN của Việt Nam năm 2020

Nhóm	Xếp hạng độ bao phủ	Xếp hạng độ mở	Xếp hạng điểm số ODIN
Trong 187 nước toàn cầu	122	86	91
Trong 10 nước ASEAN	9	5	7

Ở Bảng 6 cho thấy điểm số ODIN của Việt Nam năm 2020 được chi tiết theo 3 thành phần thống kê xã hội, thống kê kinh tế, thống kê môi trường. Trong đó điểm số của thống kê kinh tế là thấp nhất, tiến đến là thống kê xã hội, chi tiết trong Bảng 6 dưới đây:

Bảng 6. Bảng điểm số ODIN cụ thể của Việt Nam năm 2020

STT	Danh mục dữ liệu	Điểm Độ bao phủ	Điểm Độ mở	Điểm Tổng thể
	Tất cả danh mục	44	54	49
I	Điểm số Thống kê xã hội	39	53	46
1	Thống kê dân số	40	50	45
2	Cơ sở giáo dục	40	60	50
3	Kết quả giáo dục	40	60	50
4	Cơ sở y tế	40	70	55
5	Kết quả sức khỏe	40	70	55
6	Sức khỏe sinh sản	50	50	50
7	An ninh lương thực và dinh dưỡng	50	60	56
8	Thống kê giới tính	30	40	35
9	Tội phạm & công lý	0	0	0

STT	Danh mục dữ liệu	Điểm Độ bao phủ	Điểm Độ mở	Điểm Tổng thể
10	Nghèo đói và thu nhập	60	70	65
II	Điểm số Thống kê kinh tế	40	49	45
11	Tài khoản quốc gia	38	70	56
12	Nhân công	60	60	60
13	Chỉ số giá cả	38	70	56
14	Tài chính chính phủ	75	70	72
15	Tiền & ngân hàng	0	0	0
16	Thương mại quốc tế	50	70	63
17	Cán cân thanh toán	0	0	0
III	Điểm số Thống kê môi trường	52	60	57
18	Nông nghiệp & Sử dụng đất	40	60	50
19	Sử dụng tài nguyên	100	70	83
20	Năng lượng	50	70	63
21	Sự ô nhiễm	63	70	67
22	Xây dựng môi trường	20	30	25

2.4. Xếp hạng điểm số ODIN

Bên cạnh việc đánh giá mức độ xếp hạng của Thống kê Việt Nam trên thế giới và trong khu vực ASEAN, ta lựa chọn ra 5 nước có tổng điểm cao nhất để xem xét đánh giá.

Mục đích xếp hạng 5 nước có điểm số ODIN cao trong Bảng 6 dưới đây giúp Thống kê Việt Nam nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước để rút ra bài học, từ đó đề ra kế hoạch cho việc cải thiện vị trí xếp hạng của mình.

Bảng 7. Xếp hạng 5 nước có điểm số ODIN toàn cầu cao nhất năm 2020

STT	Điểm tổng thể	Điểm độ bao phủ	Điểm độ mở
1	Singapore (92)	Phần Lan (82.1)	Singapore (100)
2	Ba Lan (85.3)	Ba Lan (81.2)	Oman (93.2)
3	Phần Lan (84.8)	Singapore (80.4)	Đan Mạch (93.0)
4	Đan Mạch (84.4)	Thụy Điển (77.6)	Hà Lan (91.3)
5	Thụy Điển (83.9)	Na Uy (74.6)	Mông Cổ (90.7)

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Kết quả bảng 8 dưới đây cho thấy chỉ số ODIN của Việt Nam chỉ đạt ở mức trung bình trên thế giới (xếp hạng 91/187). Tuy nhiên, trong khối ASEAN vị trí của ta đang bị đánh giá thấp, chỉ đứng ở vị trí 7/10 nước.

Bảng 8. Xếp hạng điểm số ODIN trong khối ASEAN năm 2020

Quốc gia	Tổng thể	Điểm độ bao phủ	Điểm độ mở	Xếp hạng trong Asean	Xếp hạng toàn cầu
Singapore	92.0	80.4	100.0	1	1/187
Philippines	72.7	62.7	81.3	2	18/187
Indonesia	67.8	59.1	75.2	3	33/187
Brunei	53.2	47.5	58.0	4	77/187
Malaysia	52.9	53.0	52.8	5	78/187
Myanmar	50.7	49.2	52.0	6	87/187
Vietnam	49.2	43.7	53.9	7	91/187
Thailand	43.5	49.0	38.8	8	117/187
Lao	39.1	34.5	43.0	9	143/187
Cambodia	32.7	29.5	35.5	10	162/187

3. Kết luận và đề xuất

Qua kết quả đánh giá xếp hạng của SPI và ODIN thì thống kê Việt Nam hiện ở mức khá. Đánh giá chung lại chỉ số hiệu suất (SPI) thống kê Việt Nam đang ở mức khá xếp ở vị trí 76/218 nước, tuy nhiên cần cải thiện vị trí ngay trong khối ASEAN hiện đang ở vị trí 6/10 nước. Đối với chỉ số ODIN cho thấy thống kê Việt Nam chỉ đạt ở mức trung bình trên thế giới (xếp hạng 91/187). Tuy nhiên, trong khối ASEAN vị trí của Việt Nam đang bị đánh giá thấp, chỉ đứng ở vị trí 7/10 nước.

Nhằm nâng cao năng lực thống kê và cải thiện thứ tự xếp hạng về thông kê trên thế giới; đồng thời thực hiện mục tiêu trong Chiến lược phát triển Thống kê "Chỉ số hiệu quả thống kê và chỉ số dữ liệu mở thuộc nhóm các nước xếp loại khá vào năm 2030",

nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

1) Nhóm giải pháp đối ngoại

- Kết nối thường xuyên với bộ phận chấm điểm SPI của Ngân hàng thế giới và ODIN nhằm quảng bá kết quả mà thống kê Việt Nam đã thực hiện, đồng thời làm cho Ngân hàng thế giới hiểu hơn về những nội dung thống kê Việt Nam đã thực hiện;

- Bổ trí làm việc với bộ phận chấm điểm SPI, ODIN nghe họ đánh giá những hạn chế trong quá trình chấm điểm đối với thống kê Việt Nam để có biện pháp nâng cao năng lực thống kê Việt Nam;

- Liên hệ với một số nước có điểm số các thành phần của SPI, ODIN cao để lựa chọn học tập kinh nghiệm;

- Tăng cường quảng bá những nội dung mới mà thống kê Việt Nam đã đạt được như Luật Thống kê sửa đổi; các bộ chỉ tiêu mới được ban hành...; thường xuyên cập nhật các dữ liệu, thông tin, hồ sơ mới của Thống kê Việt Nam trên các trang Web tổ chức quốc tế để quốc tế hiểu và đánh giá đúng thực trạng thống kê Việt Nam. Hiện có trang Web giới thiệu thông tin về Thống kê Việt đã có từ nhiều năm về trước, chưa được cập nhật mới.

2) Nhóm giải pháp nghiên cứu về chỉ số

- Nghiên cứu theo dõi các chỉ số thành phần, chỉ số đơn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị nhằm khắc phục những hạn chế, và có kế hoạch để nâng vị trí xếp hạng so với các nước ở cùng lĩnh vực;

- Phối hợp với Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế làm việc với các tổ chức chấm điểm để đề xuất, giải trình hoặc cung cấp thông tin cho tổ chức chấm điểm đánh giá;

- Tiếp tục nghiên cứu chỉ số SPI, ODIN, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của Thống kê Việt Nam theo các thành phần của 2 chỉ số này để đề xuất kiến nghị hàng năm nhằm nâng cao thứ hạng;

- Theo dõi, đánh giá biến động của 2 chỉ số này đối với thống kê Việt Nam, so sánh, đánh giá trong khu vực ASEAN, trên thế giới.

3) Nhóm giải pháp hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu

- Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương. Đổi mới mạnh mẽ

điều tra thống kê theo hướng tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra để tăng độ tin cậy của dữ liệu và giảm gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê;

- Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở trên nền tảng kiến trúc tổng thể và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Tích hợp các nguồn dữ liệu khác nhau hướng tới dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất. Ưu tiên xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của các cấp các ngành;

- Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung và cơ chế cung cấp dữ liệu thống kê bảo đảm đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin thống kê, từng bước cung cấp dữ liệu thống kê vi mô.

4) Nhóm giải pháp đổi mới biên soạn và phổ biến thông tin thống kê

- Đổi mới phương pháp, nội dung, hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê. Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Chú trọng nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế;

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm

quan trọng của thống kê. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê. Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê.

Phụ lục 1. Giải thích các chiều của chỉ số SPI

Tên trụ cột	STT	Tên chiều	Giải thích
1. Sử dụng dữ liệu	1.1	Cơ quan lập pháp	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận
	1.2	Cơ quan hành pháp	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận
	1.3	Xã hội dân sự	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận
	1.4	Giới học thuật	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận
	1.5	Các cơ quan quốc tế	Năm thước đo về mức độ hữu ích hoặc độ tin cậy của các phương pháp do các nước tạo ra đối với các tổ chức quốc tế; (1) Khả năng so sánh của các ước tính nghèo sử dụng cho các báo cáo của Ngân hàng Thế giới về tình trạng nghèo quốc tế; (2) Cuộc điều tra thống kê về tỷ lệ tử vong ở trẻ em của Nhóm cơ quan ước tính tử vong trẻ em của Liên hợp quốc (UNIGME); (3) Độ chính xác của báo cáo nợ theo phân loại của Ngân hàng Thế giới; (4) Sự sẵn có của dữ liệu nước uống được quản lý để Tổ chức WHO / UNICEF sử dụng; (5) Dữ liệu tham gia lực lượng lao động để ILO sử dụng.
2. Các dịch vụ dữ liệu	2.1	Chất lượng của dữ liệu được công bố	Chỉ số này dựa trên việc quốc gia có đăng ký các tiêu chuẩn IMF SDDS +, SDDS hay e-GDDS hay không?
	2.2	Sự phong phú và cởi mở của việc tiếp cận dữ liệu online	Điểm độ mở của dữ liệu mở (ODIN)
	2.3	Hiệu quả của các dịch vụ tư vấn và phân tích liên quan đến thống kê	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận

	2.4	Tính sẵn có và việc sử dụng các dịch vụ dữ liệu	Chỉ số này kiểm tra xem danh mục dữ liệu vi mô NADA có khả dụng cho các cuộc khảo sát do NSO thực hiện hay không.
3. Sản phẩm dữ liệu	3.1	Xã hội (SDG 1-6)	Tính sẵn có của các chỉ số của các Mục tiêu Phát triển Bền vững 1-6, được đo lường bằng điểm số trung bình. Nguồn dữ liệu chính là cơ sở dữ liệu UN về SDG. Mặc dù đây là cơ sở dữ liệu có phạm vi bao phủ toàn diện mà tất cả các quốc gia đã đăng ký, nhưng nhiều quốc gia vẫn chưa gửi tất cả dữ liệu. Vì lý do này, điểm số của một số quốc gia có thể không thể hiện đầy đủ hiệu suất của họ trong việc tính toán các chỉ số.
	3.2	Kinh tế (SDG 7-12)	Tính sẵn có của các chỉ số SDG 7-12, đo bằng điểm trung bình
	3.3	Môi trường (SDG 13-15)	Tính sẵn có của các chỉ số SDG 13 & 15, được đo bằng điểm trung bình. Mục tiêu 14 - Sự sống ở biển - không được bao gồm vì các quốc gia không giáp biển không báo cáo về các chỉ số này.
	3.4	Thể chế (SDG 16-17)	Tính sẵn có của các chỉ số SDG 16-17, được đo bằng điểm trung bình.
4. Nguồn dữ liệu	4.1	Cơ quan thống kê (tổng điều tra, điều tra)	Sự sẵn có của các cuộc tổng điều tra và điều tra ở phạm vi lớn, Gồm: Điều tra dân số và nhà ở; Điều tra nông nghiệp; Điều tra doanh nghiệp/cơ sở; Điều tra hộ gia đình về thu nhập/tiêu dùng/chi tiêu/ngân sách; Điều tra tổng hợp; Điều tra nông nghiệp; Điều tra lực lượng lao động, Điều tra sức khỏe/nhân khẩu học, Doanh nghiệp/cơ sở sự điều tra.
	4.2	Dữ liệu hành chính	Chỉ số đăng ký hộ tịch và thống kê quan trọng (CRVS). Bao gồm các chỉ số về mật độ dữ liệu hành chính có sẵn trong các lĩnh vực bao gồm bảo trợ xã hội, giáo dục, lao động và y tế.
	4.3	Dữ liệu không gian địa lý	Nguồn dữ liệu này từ Open Data Watch tập trung vào tính khả dụng của dữ liệu ở cấp địa phương và cung cấp dữ liệu về khả năng sản xuất dữ liệu theo không gian địa lý của một quốc gia.
	4.4	Dữ liệu khu vực tư nhân và dữ liệu do công dân tạo ra	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận. Hiện tại không có phương pháp nào để đo lường việc sử dụng dữ liệu do tư nhân và công dân tạo ra trong các hệ thống thống kê quốc gia. Đây phải là một lĩnh vực khác mà cộng đồng thống kê quốc tế cần thu thập thêm dữ liệu.

5. Cơ sở hạ tầng dữ liệu	5.1	Pháp lý và quản trị	Chỉ số này dựa trên các chỉ số của PARIS21 theo mục tiêu SDG 17,18,2 (tuân thủ luật thống kê quốc gia với các Nguyên tắc cơ bản về thống kê chính thức của Liên hợp quốc); sự tồn tại của Hội đồng thống kê quốc gia; xây dựng chiến lược thống kê quốc gia, kế hoạch thống kê quốc gia.
	5.2	Tiêu chuẩn và phương pháp	Các chỉ số được xác định dựa trên việc các quốc gia sử dụng các phương pháp luận, phân tổ, tiêu chuẩn theo chuẩn mực quốc tế và sử dụng các khuyến nghị về tích hợp dữ liệu. Các chỉ số này tạo thuận lợi cho việc trao đổi dữ liệu và cung cấp nền tảng cho việc chuẩn bị các chỉ số thống kê liên quan. Các phương pháp và tiêu chuẩn bao gồm: Hệ thống tài khoản quốc gia, Tài khoản quốc gia năm cơ sở, Phân tổ ngành công nghiệp quốc gia, CPI năm gốc, Phân tổ tiêu dùng hộ gia đình, Phân tổ tình trạng việc làm,...
	5.3	Các kỹ năng	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận
	5.4	Quan hệ đối tác	Không được đưa vào vì thiếu phương pháp luận hoặc nguồn dữ liệu phù hợp.
	5.5	Nguồn lực tài chính	Chỉ số này dựa trên các chỉ số của PARIS21 theo các mục tiêu SDG (SDG 17,18,3.

Tài liệu tham khảo:

1. Open Data Watch (2020), Open Data Inventory 2020/21: Methodology Guide

https://docs.google.com/document/d/1MBK0hN6MoQrii7_E1bmRXmsUcE8Fbb-Q32n xm8d8qTw/edit

2. Open Data Watch (2021), 2020/21 Open Data Inventory (ODIN)

<https://odin.opendatawatch.com/Report/annualReport2020>

3. World Bank SPI Team (2021), Measuring the Statistical Performance of Countries: An Overview of Updates to the World Bank Statistical Capacity Index

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/815721616086786412/pdf/Measuring->

[the-Statistical-Performance-of-Countries-An-Overview-of-Updates-to-the-World-Bank-Statistical-Capacity-Index.pdf](#)

4. World Bank (2021), (Statistical Performance Indicators and Index A New Tool to Measure Country Statistical Capacity

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/440191616164007723/pdf/Statistical-Performance-Indicators-and-Index-A-New-Tool-to-Measure-Country-Statistical-Capacity.pdf>

5. Thủ tướng Chính phủ (2021) Quyết định số 2014/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.